

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST

Ngày: 10.3.2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
 1. Bà Thái Ánh Trinh
 2. Ông Nguyễn Văn Thảo
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐ.TA ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh **Trần Ngọc T** sinh năm 1988
Trú tại: khu vực A, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.
2. *Bị đơn*: Anh **Trần Kế V** sinh năm 1979
Trú tại: khu vực X, phường Y, quận T, thành phố Cần Thơ.
(*nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện ngày 11.4.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn anh Trần Ngọc T trình bày:*

Ngày 23.01.2019, nguyên đơn anh Trần Ngọc T cho bị đơn anh Trần Kế V vay 100.000.000 đồng, lãi suất 6.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 01 tháng. Quá trình vay, anh V trả được 01 tháng tiền lãi 6.000.000 đồng, không trả khoản nợ gốc nào nên anh T khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Trần Kế V có trách nhiệm trả cho anh nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay là ngày 23.01.2019 đến ngày xét xử vụ án, đồng ý cản trừ số tiền đã nhận 6.000.000 đồng.

Đối với bị đơn anh Trần Kế V: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết công khai, hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án số 105/2019/TB.TA ngày 05.6.2019, các Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 227/2019/TB.TA ngày 05.6.2019, số 287/2019/TB.TA ngày 24.6.2019, số 28/2020/TB.TA ngày 15.01.2020 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020 ngày 04.02.2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2020/QĐ-DS ngày 20.02.2020 nhưng anh V vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

/ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định;

/ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Theo đó, buộc bị đơn anh Trần Kế V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Trần Ngọc T số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 23.01.2019 đến ngày xét xử vụ án, có cầm trừ 6.000.000 đồng trả trước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn anh Trần Ngọc T cho rằng, giữa anh với bị đơn anh Trần Kế V có thỏa thuận vay/cho vay. Quá trình giao dịch, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 100.000.000 đồng nên anh T có đơn khởi kiện đòi nợ. Trên cơ sở đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Trần Kế V đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh V đều vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- *Về số tiền vay nợ gốc:* Theo nguyên đơn anh Trần Ngọc T trình bày, vào năm 2019 anh có cho bị đơn anh Trần Kế V vay 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 6.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 01 tháng. Do bị đơn không trả nợ nên anh khởi kiện yêu cầu anh V có nghĩa vụ trả số tiền trên.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, anh T cung cấp “Giấy nhận tiền” (*bút lục: 48*), theo đó thể hiện: Tôi tên Trần Kế V, ngụ Y, T, Cần Thơ có nhận

100.000.000 đồng của anh Trần Ngọc T... và sẽ trả lại trong 01 tháng với 6 triệu đồng tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn vắng mặt không lý do nên Tòa án không thu thập được chứng cứ đối với bị đơn về vấn đề liên quan. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án trưng cầu giám định chứng cứ. Tại Kết luận giám định số: 02/KLGD-PC09 ngày 08.01.2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an thành phố Cần Thơ kết luận:

+ Chữ ký mang tên Trần Kế V phía dưới mục “bên nhận” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Trần Kế Vương trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M3, là chữ ký do cùng một người ký ra;

+ Chữ viết mang tên Trần Kế V phía dưới mục “bên nhận” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết mang tên Trần Kế V trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M3, là chữ viết do cùng một người viết ra.

Hội đồng xét xử xét thấy: Với Kết luận giám định nêu trên thể hiện có căn cứ xác định giữa anh Thái với anh V có giao dịch với nhau về số tiền 100.000.000 đồng nên bị đơn anh Trần Kế V có vay nợ của nguyên đơn anh Trần Ngọc T số tiền trên là có căn cứ pháp luật.

Xét Hợp đồng vay: Với việc giao dịch của các đương sự có căn cứ xác định đây là “Hợp đồng vay tài sản” có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 điều 470 Bộ luật dân sự 2015. Như vậy trong trường hợp này, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả nợ theo hợp đồng vay với số tiền 100.000.000 đồng⁽¹⁾ là có căn cứ chấp nhận.

- Về tiền nợ lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả lãi từ ngày 23.01.2019 đến nay là 13 tháng tiền lãi với lãi suất 20%/năm (đương sự yêu cầu tính lãi theo tháng), có cản trừ số tiền 6.000.000 đồng trả trước. Theo đó, nguyên đơn cho rằng kể từ thời điểm hai bên xác nhận nợ vay (ngày 23.01.2019) đến nay, bị đơn trả được 6.000.000 đồng nợ lãi cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn yêu cầu cản trừ số tiền trên vào tổng nợ lãi tính theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: bị đơn còn nợ tiền lãi nguyên đơn từ tháng 01.2019 đến nay là 13 tháng.

Căn cứ vào thỏa thuận của các bên, thể hiện lãi suất vay là 6.000.000/tháng. Xét thấy, tại thời điểm các bên thỏa thuận cho vay/vay thì mức lãi suất tối đa là 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự 2015, tức 1,666%/tháng. Trong khi, các đương sự có quyền thỏa thuận về lãi suất nhưng không được vượt quá theo quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự. Đối chiếu với thỏa thuận trên, nên cần điều chỉnh lãi suất theo đúng quy định pháp luật.

Xét mức lãi suất đương sự thỏa thuận là 6%/tháng/100.000.000 đồng nợ gốc (6.000.000 đồng/tháng), tương đương 72.000.000/năm – so với lãi suất cơ bản theo quy định pháp luật là 20.000.000 đồng/năm. Như vậy, thỏa thuận của các bên về lãi suất là cao gấp 3,6 lần so với quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Do đó, lãi suất bị

đơn phải trả cho nguyên đơn được tính như sau: $(100.000.000 \text{ đồng} \times 1,666\%/tháng) \times 13 \text{ tháng (từ tháng 01.2019 đến tháng 02.2020)} = 21.658.000 \text{ đồng}$.

Do bị đơn trả trước 01 tháng tiền lãi theo thỏa thuận nên tổng nợ lãi bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là: $21.658.000 \text{ đồng} - 6.000.000 \text{ đồng} = 15.658.000 \text{ đồng}^{(2)}$;

Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: $(1) + (2) = 115.658.000 \text{ đồng}$.

Từ phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] *Về tạm ứng chi phí giám định*: Nguyên đơn anh Trần Ngọc T đã nộp tạm ứng 4.700.000 đồng. Do anh T tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

/ Bị đơn anh Trần Kế V phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên án phí giá ngạch bị đơn phải nộp là: $5\% \times 115.658.000 \text{ đồng} = 5.782.900 \text{ đồng}$;

/ Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, điều 463, điều 466, điều 468, điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Ngọc T đối với bị đơn anh Trần Kế V.

Buộc anh Trần Kế V có trách nhiệm trả cho anh Trần Ngọc T số tiền 115.658.000 đồng (*một trăm mười lăm triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn đồng*).

Trong đó: + 100.000.000 đồng nợ gốc;
+ 15.658.000 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về chi phí giám định: Nguyên đơn anh Trần Ngọc T tự nguyện chịu 4.700.000 đồng - đã thực hiện xong;

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

/ Anh Trần Kế V phải nộp 5.782.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

/ Anh Trần Ngọc T được nhận lại tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/004761 ngày 03.6.2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án và cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền